

En Việt Et Plus Si Affinités



Par Anthony Ducoutumany JJR 64

Un ami me racontait qu'une connaissance de sa nièce, discutant en vietnamien avec lui, avait fait la remarque : "Il parle comme mon grand père !", en entendant le vocabulaire vietnamien et les tournures utilisées.

Avec le temps, toutes les langues évoluent, et il est vrai que si pour vous parler, quelqu'un utilisait des mots comme : "...TSF, 78 tours, transistor, réclame, décapotable, torpédo, conduite intérieure, microsillons, ORTF, changeur automatique, bakélite, moleskine, grésyl, garde-manger, poste à galène, etc." cela vous ferait remonter des années dans le passé...

La plupart d'entre nous sommes partis du Vietnam il y a bien longtemps, et la langue que nous parlions alors risque de sembler un peu étrange aux oreilles des Vietnamiens de maintenant. Ainsi, à votre prochaine visite à la Terre des Dragons et des Légendes, pour que vous ne vous sentiez pas trop comme Hibernatus ou E.T., je vous ai listé ci dessous - en vrac - des vocables qui ont quand même changé, liste non exhaustive. Ce n'est pas dans l'ordre alphabétique, trop prévisible, mais j'ai essayé de les regrouper quand même par centres d'intérêt. Bonne lecture !

trung bình	=	bình quân (en moyenne)
giản dị	=	đơn giản (simple)
giải quyết	=	xử lý (solutionner, résoudre)
tài liệu	=	tư liệu (document)
lẽ tất (tự) nhiên	=	đương nhiên (naturellement)
liên lạc	=	liên hệ (contacter)
bảo đảm	=	bảo hành (garantie)
hướng đạo	=	thiếu sinh quân (scouts, éclaireurs, ou enfants de troupes)
gián điệp	=	điệp viên (agent secret)
vũ nữ	=	vũ công (danseuse)
giáo sư	=	giáo viên (enseignant)
nghệ sĩ	=	nghệ nhân (artiste)
nhạc sĩ	=	nhạc công (musicien)
phim bộ	=	phim tập (série, feuilleton)
người gác cửa	=	ông bảo vệ (garde, vigile)
chiều đãi viên	=	người phục vụ, tiếp viên (serveur, hôtesse)
ngoại quốc	=	nước ngoài (étranger)
ngoại kiều	=	người nước ngoài (étranger)
du khách	=	khách du lịch (touriste)
hậu mãi	=	chăm sóc khách hàng (SAV)
tờ quảng cáo	=	tờ bướm (flyer, prospectus)
phi trường	=	sân bay (aéroport)
phi cơ	=	máy bay (avion)
tốc độ	=	vận tốc (vitesse)
biệt kích	=	đặc công (commandos)
thủy quân lục chiến	=	lính thủy đánh bộ (marines)
hàng không mẫu hạm	=	tàu sân bay (porte avions)
hỏa tiễn	=	tên lửa (fusée, roquette)
củ lủn / nhà quê	=	hai lúa (plouc)
hay thật	=	siêu thật (extra, super)
bướng kinh khủng	=	lì bà cổ (tête de mule)
to tổ bố	=	bự chà bá (maousse)
yên chí	=	vô tư (pas de souci)
xếp sòng, đàn anh	=	đại ca (caïd, "grand frère" des cités)
vô tích sự	=	vô dụng (incapables)
lốp	=	vỏ (pneu)

săm	=	ruột (chambre à air)
cánh quạt	=	chân vịt (hélice)
Á châu	=	châu Á (Asie)
mọi	=	dân tộc (minorités ethniques)
Âu châu	=	châu Âu (Europe)
Úc châu	=	châu Úc (Australie)
Phi châu	=	châu Phi (Afrique)
bộ lạc	=	bộ tộc (tribu)
Y pha nha	=	Tây ba Nha (Espagne)
Mạc tư Khoa	=	Mô-tô-cô Va (Moscou)
mỹ kim	=	đô-la (USDollars)
Hợp Chúng Quốc	=	Mỹ quốc (USA)
Đại Hàn, Triều Tiên	=	Hàn quốc (Corée)
Nhựa	=	mủ (plastique)
phong bì	=	bao thư (enveloppe)
thẻ thông hành	=	hộ chiếu (passeport)
thẻ căn cước	=	chứng minh nhân dân (carte d'identité)
bằng lái xe	=	giấy phép lái xe (permis)
bùng binh	=	vòng xoay (rond point)
chính phủ	=	nhà nước (gouvernemental)
đá bóng	=	bóng đá (football)
la ve/de /ye	=	bia (bière)
nhà bảo sanh	=	nhà đẻ (maternité)
thuê chung	=	ở ghép (co-location)
vô tuyến truyền thanh	=	ra-yô (sic : radio)
vô tuyến truyền hình	=	Ti-Vi (sic : TV, télé)
vô tuyến điều khiển	=	ri-mô-tơ (sic : remote => télécommande)
kỷ niệm	=	lưu niệm (souvenir objet)
kỷ niệm	=	ký-ước (souvenir mémoire)
trả lời	=	đáp án
chương trình	=	lập trình
nguyên tử	=	hạt nhân

NOTES LEXICALES : et si vous cherchez comment dire...

escalator	=	thang vòng
textiles	=	hàng dệt may
peluche	=	thú bông
président actuel	=	đương kim tổng thống
faire l'appel	=	điểm danh
territoire	=	địa bàn
mondialisation	=	toàn cầu hoá
gagner du temps	=	câu thời gian
mise à jour	=	cập nhật
hi tech	=	công nghệ cao
effets speciaux	=	hiệu ứng đặc biệt
avion furtif	=	máy bay tàng hình
matériau composite	=	vật liệu tổng hợp
mobile	=	điện thoại di động
tablette	=	máy tính bảng
connection adsl	=	nối mạng
pseudo	=	nick (name)
portable	=	laptop (si, si !)
éventualité	=	tình huống
météorite	=	thiên thạch
sacrifice humain	=	tế thần
peu ragoûtant	=	nhàm nhở
dégénérés mutants	=	biến thái
voyous patibulaires	=	cô hồn, đầu trâu mặt ngựa
voyous patibulaires	=	đầu trộm, đuôi cướp
prestance	=	phong độ